

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2025/HS-ST

Ngày: 04-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây;

2. Ông Trần Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Hiền – Thư ký Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/HSST-QĐ ngày 27/02/2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q, sinh năm 2002; nơi sinh: Tỉnh Long An; nơi cư trú: Ấp 4, xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Dũng (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thanh Trúc (đã chết); chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/11/2024 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Ông Trần Ngọc K, sinh năm 2002; địa chỉ: Khu khổ K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Trần Ngọc L, sinh năm 2000; địa chỉ: Khu khổ K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 50 phút ngày 21/4/2021, ông Trần Ngọc K (sinh năm 2002, nơi T trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang) điều khiển xe mô tô biển số 67L2-537.94 đi về phòng trọ đang ở thuộc khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và dựng xe trước cửa phòng trọ. Ông K không rút chìa khóa ra khỏi xe và đi vào trong phòng. Khoảng 05 phút sau, ông K đi ra thì phát hiện xe mô tô biển số 67L2-537.94 đã bị mất trộm. Sau khi bị mất trộm xe mô tô biển số 67L2-537.94 ông K không trình báo Công an phường T.

Đến 19 giờ 30 phút cùng ngày, Công an phường T, thị xã (nay là thành phố) T nhận được nguồn tin từ Công an phường C, thành phố T1, tỉnh Bình Dương, trong lúc lực lượng tuần tra của đơn vị đang đi tuần đến khu vực gần cầu Phú Cường phát hiện Nguyễn Văn Q đang điều khiển xe mô tô biển số 67L2-537.94 có dấu hiệu nghi vấn nên yêu cầu dừng xe kiểm tra nhưng Q không xuất trình được giấy tờ tùy thân. Qua làm việc, Q khai nhận: Vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 21/4/2021, khi Q đang ở Long An thì 01 đối tượng tên T (không rõ nhân thân lai lịch, là bạn của Q) kêu Q đi qua địa bàn Bình Dương để chạy xe mô tô do các đối tượng khác trộm cắp mà có mang về địa bàn tỉnh Long An cho T sẽ được trả công số tiền 1.500.000 đồng thì Q đồng ý. Vì vậy, T đưa cho Q số điện thoại của 01 người nam thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) để Q liên lạc và đi theo hướng dẫn. Khi đi, Q rủ thêm đối tượng K1 (không rõ nhân thân lai lịch, là bạn của Q) cùng bắt xe ôm mô tô chở Q và K1 đi từ cầu Đ, tỉnh Long An đến địa bàn phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương. Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, có 02 nam thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) điều khiển xe mô tô biển số 67L2-537.94 đến đưa cho Q để điều khiển chạy xe về khu vực tỉnh Long An trước và kêu K1 đứng tại chỗ đợi 02 nam thanh niên này mang thêm 01 xe nữa để K1 chạy về sau. Khi Q điều khiển xe mô tô biển số 67L2-537.94 chạy đến địa phận cầu Phú Cường thuộc phường C, thành phố T1 thì bị lực lượng tuần tra Công an phường C, thành phố T1 phát hiện có biểu hiện nghi vấn nên đưa về làm việc. Qua xác minh nhanh chủ sở hữu phương tiện xe mô tô biển số 67L2-537.94 thì xác định tài sản do ông Trần Ngọc K bị mất trộm tại địa phận phường T, (nay là thành phố) T nên đã thông báo cho Công an phường T biết. Đến ngày 22/4/2021, Công an phường T tiếp nhận nguồn tin tố giác tội phạm của ông Trần Ngọc K về việc bị mất trộm 01 xe mô tô như nội dung nêu trên và tiếp nhận xe mô tô biển số 67L2-537.94. Sau khi xác lập hồ sơ, Công an phường T tiến hành chuyển giao hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an thị xã (nay là thành phố) T thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 18/5/2021, Cơ quan CSĐT Công an thị xã (nay là thành phố) T yêu cầu định giá tài sản xe mô tô hiệu Sirius, biển số: 67L2-537.94 theo Yêu cầu định giá tài sản số 130 (bút lục 27). Ngày 26/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an thị xã (nay là thành phố) T ban hành Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm số 173 (bút lục 33). Ngày 05/3/2024, Cơ quan CSĐT Công an thành phố T ban hành Quyết định phục hồi việc giải quyết nguồn tin về tội phạm số 1260/QĐ-CSHS (bút lục 36). Ngày 12/3/2024, Cơ quan CSĐT Công an thành phố T ban hành Quyết định khởi tố vụ án hình sự số

82/QĐ-CSHS (bút lục 39). Ngày 13/7/2024, Cơ quan CSĐT Công an thành phố T ban hành Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 2372/QĐ-CSHS (bút lục 51). Ngày 17/10/2024, Cơ quan CSĐT Công an thành phố T ban hành Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự số 3389/QĐ-CSHS (bút lục 66). Ngày 17/10/2024, Cơ quan CSĐT Công an thành phố T Quyết định khởi tố bị can số 646/QĐ-CSHS (bút lục 68).

Tại Kết luận định giá tài sản số 40/KL – HĐĐGTS ngày 04/3/2024 của Hội đồng định giá thành phố T, tỉnh Bình Dương kết luận về giá của tài sản là xe mô tô biển số 67L2-537.94 nhãn hiệu Suzuki Raider, màu xanh-đen-cam, số khung RLSDL11ANLV149348, số máy CGA1549310 đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 37.433.000 đồng.

Về vật chứng: Đối với 01 xe mô tô biển số 67L2-537.94 nhãn hiệu Suzuki Raider, màu xanh-đen-cam, số khung RLSDL11ANLV149348, số máy CGA1549310 đã qua sử dụng, Cơ quan điều tra xác định tài sản nêu trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Trần Ngọc K. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an thành phố T tiến hành trả lại tài sản trên cho ông Trần Ngọc K tiếp tục quản lý, sử dụng theo Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 65 ngày 07/6/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi T hay thực hiện trách nhiệm dân sự khác.

Cáo trạng số 47/CT-VKSTU ngày 15/01/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:
- + Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.
- + Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi T nên không cần xem xét
- + Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô biển số 67L2-537.94 nhãn hiệu Suzuki Raider, màu xanh-đen-cam, số khung RLSDL11ANLV149348, số máy CGA1549310 đã được Cơ quan CSĐT Công an thành phố T trả cho bị hại nên không có ý kiến gì.
- Bị cáo không tranh luận, bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại ông Trần Ngọc K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc L vắng mặt. Quá trình điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không mâu thuẫn với lời khai của bị cáo và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện Kiểm sát và bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn Q tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và kết luận định giá tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 21/4/2021, khi Nguyễn Văn Q đang ở Long An thì 01 đối tượng tên T (không rõ nhân thân lai lịch, là bạn của Q) kêu Q đi qua địa bàn Bình Dương để chạy xe mô tô do các đối tượng khác trộm cắp mang về địa bàn tỉnh Long An cho T thì sẽ được trả công số tiền 1.500.000 đồng thì Q đồng ý. Khi đi, Q rủ thêm đối tượng K1 (không rõ nhân thân lai lịch, là bạn của Q) cùng bắt xe ôm mô tô chở Q và K1 đi từ cầu Đ, tỉnh Long An đến địa bàn phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, Q nhận xe biển số 67L2-537.94 (tài sản bị trộm cắp vào khoảng 18 giờ 55 phút của ông Trần Quốc K tại địa bàn phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương) của 02 nam thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) để điều khiển chạy xe về khu vực tỉnh Long An trước và kêu K1 đứng tại chỗ đợi 02 nam thanh niên này mang thêm 01 xe nữa để K1 chạy về sau. Như vậy, Nguyễn Văn Q có hành vi hỗ trợ, giúp sức điều khiển xe mô tô biển số 67L2-537.94 do các đối tượng thực hiện hành vi trộm cắp mang về khu vực biên giới thuộc huyện Đ, tỉnh Long An để giao cho đồng bọn nhằm mục đích hưởng lợi số tiền 1.500.000 đồng/xe. Giá của xe mô tô biển số 67L2-537.94 tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 37.433.000 đồng. Hành vi của Q đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 47/CT-VKSTU ngày 15/01/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người Kc được pháp luật bảo vệ, thể hiện sự xem T pháp luật, xem T quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất lòng

tin lẫn nhau trong nhân dân, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Về nhận thức bị cáo hoàn toàn biết hành vi trộm cắp tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Ngọc K không yêu cầu bị cáo bồi T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về hình phạt chính: Xét do cần tiền để phục vụ nhu cầu của bản thân mà bị cáo cố tình thực hiện hành vi hỗ trợ, giúp sức cho người khác chiếm đoạt tài sản của bị hại, xâm phạm đến tài sản của người Kc được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành những công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét, việc áp dụng hình phạt tù cũng đủ sức răn đe, giáo dục nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô biển số 67L2-537.94 nhãn hiệu Suzuki Raider, màu xanh-đen-cam, số khung RLSDL11ANLV149348, số máy CGA1549310 đã qua sử dụng, Cơ quan CSĐT thành phố T xác minh xác định chủ sở hữu là ông Trần Ngọc L (anh trai ruột của ông Trần Ngọc K). Cơ quan CSĐT thành phố T đã tiến hành lấy lời khai của ông Lượng, ông Lượng xác định xe mô tô biển số 67L2-537.94 do ông mua đứng tên chủ sở hữu để ông và ông K cùng sử dụng làm phương tiện đi làm hàng ngày. Ông Lượng đồng ý cho ông K được tự do sử dụng xe mô tô biển số 67L2-537.94 để đi lại. Việc Cơ quan CSĐT thành phố T đã trả lại cho ông K thì ông Lượng không có ý kiến và không có yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[11] Đối với hành vi đồng phạm của đối tượng tên T, K1 và 02 thanh niên chưa rõ lai lịch, hiện chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố T tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ và xử lý sau.

[12] Mức hình phạt của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị tại phiên tòa đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 260, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T vụ Q Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. *Về hình phạt*: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 26/11/2024.

3. *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan đến vụ án được quyền Kng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương